TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/KDTM-PT
Ngày: 10/7/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản; đòi tài sản phát sinh từ thỏa thuận góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* bà Nguyễn Thị Quang
ông Nguyễn Minh Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông V Duyên Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2010/TLPT-KDTM ngày 26/02/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản; đòi tài sản phát sinh từ thỏa thuận góp vốn*",* do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐ-PT ngày 08/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 03/2020/QĐ-PT ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C

Địa chỉ: đường T, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Wu - Chi- C, chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hải Ph, sinh năm 1995, chức vụ: Chuyên viên. (Theo Giấy ủy quyền số 34.2017/GUQ-L&C ngày 14/11/2019) (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại vận tải Q

Địa chỉ: khu phố V, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh V, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chỗ ở, nơi làm việc: khu phố V, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1988

Địa chỉ: đường N, khu phố V, phường M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (có mặt)

3.3. Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1965 (vắng mặt) và bà Lê Thị Ph 1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh Q, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu phố Q, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017 lập tại Văn phòng công chứng R tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) (có mặt)

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Thương mại vận tải Q (gọi tắt là Công ty Q) có nhu cầu sử dụng phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Gọi tắt là Công ty C) tài trợ tài chính. Ngày 08/12/2014, hai bên đã lần lượt ký 02 (Hai) Hợp đồng cho thuê tài chính số B141201401 và B141202401 (Gọi tắt là "Hợp đồng thuê"). Theo đó, tài sản mà Công ty Q có nhu cầu thuê tài chính là: 05 (Năm) sơ mi rơ mooc tải hiệu CIMC và 05 (Năm) xe đầu kéo, hiệu CNHTC (Gọi tắt là "Tài sản thuê").

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận 02 (hai) thư bảo lãnh thanh toán của ông Nguyễn Thanh V cùng lập ngày 08/12/2014 đối với cả 02 (hai) Hợp đồng thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 07/01/2015, ngày 13/4/2015 và ngày 29/12/2014, Công ty C lần lượt ký các Hợp đồng mua bán số B141201401-01-PC, B141201401-02-PC và B141202401-PC để mua tài sản thuê là 05 (Năm) xe đầu kéo hiệu CNHTC giá 6.400.000.000 đồng và 05 (Năm) sơ mi rơ mooc tải

hiệu CIMC giá 1.850.000.000 đồng. Cùng các ngày trên, Công ty Q đã lập Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê và chấp nhận thuê 10 (Mười) tài sản trên.

Tổng giá trị tài sản theo hợp đồng thuê số B141201401 là 6.400.000.000 đồng. Trong đó, Công ty Q trả trước 320.000.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn 6.080.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản theo hợp đồng thuê số B141202401 là 1.850.000.000 đồng. Trong đó, Công ty Q trả trước 92.500.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn 1.757.500.000 đồng.

Hàng tháng, Công ty Q phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ vốn gốc Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Q trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của hợp đồng thuê, nếu Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty Q bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thời hạn của các hợp đồng thuê là 48 tháng, kể từ ngày ký kết, 17/4/2015 đối với hợp đồng số B141201401 và 12/01/2015 đối với hợp đồng số B141202401, lãi suất lần lượt là 9,7%/năm và 9,8%/năm.

Quá trình thực hiện, Công ty Q thường xuyên thanh toán không đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán cam kết trong các hợp đồng, dù đã được liên lạc nhắc nhở, làm việc trực tiếp yêu cầu thanh toán nhiều lần.

Ngày 13/6/2016, Công ty C đã phát hành các Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê số 04.2016/TB-QTP và số 05.2016/TB-QTP, yêu cầu Công ty Q thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 14/6/2016 chính thức chấm dứt hợp đồng thuê của hai hợp đồng lần lượt là 1.358.019.848 đồng và 5.252.047.235 đồng.

Vì không có khả năng thanh toán tiền thuê nên vào các ngày 06, 07/9/2017, Công ty Q đã tự nguyện giao trả tài sản thuê cho Công ty C để xử lý, thu hồi tiền thuê; nhưng thực tế chỉ bàn giao 04 (Bốn) sơ mi rơ mooc tải hiệu CIMC và 04 (Bốn) xe đầu kéo hiệu CNHTC; còn thiếu 01 (Một) xe đầu kéo hiệu CNHTC, biển số 50LD-049.19 và 01 (Một) sơ mi rơ mooc hiệu CIMC, biển số 50R-011.54.

Công ty C nhiều lần yêu cầu giao trả 02 (Hai) tài sản thuê còn thiếu và Công ty Q phúc đáp bằng Công văn số 02.2016/CV-CTY ngày 30/11/2016 cho biết ông Huỳnh Công T đang giữ tài sản trên.

Vì không nhận được văn bản thông báo của Công ty Q về việc mua lại hoặc giới thiệu người mua lại tài sản thuê như cam kết tại biên bản làm việc ngày 06/9/2016, nên vào các ngày 15/3/2017, 24/4/2017, 15/5/2017, Công ty C đã thanh lý tài sản thuê gồm 04 (Bốn) sơ mi rơ mooc tải và 04 (Bốn) xe đầu kéo cho công ty TNHH Đầu tư Xúc tiến Thương mại Vận tải Th được 2.400.000.000 đồng. Số tiền này và tiền ký cược bảo đảm (640.000.000 đồng của hợp đồng thuê số B141201401 và 185.000.000 đồng của hợp đồng thuê số B141202401) được khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán nợ. Công ty C nhiều lần liên lạc, đồng thời gửi thông báo về việc đã thanh lý tài sản thuê ngày 06/6/2017, yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu nhưng Công ty Q không hợp tác.

Công ty C khởi kiện yêu cầu:

1.1. Công ty Q thanh toán 5.636.840.803 đồng (Năm tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng) tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 29/11/2019, cụ thể:

- Hợp đồng thuê số B141201401 là 4.570.501.824 đồng, gồm: 2.491.542.133 đồng nợ gốc, 426.047.241 đồng nợ lãi và phạt tính đến ngày chấm dứt hợp đồng, 1.652.912.450 đồng lãi quá hạn.

- Hợp đồng thuê số B141202401 là 1.066.338.979 đồng, gồm: 559.839.508 đồng nợ gốc, 113.124.020 đồng lãi và phạt tính đến ngày chấm dứt hợp đồng, 393.375.451 đồng lãi quá hạn.

1.2. Công ty Q thanh toán lãi phát sinh đối với nợ gốc từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng thuê.

1.3. Công ty Q, ông Huỳnh Công T và bà Lê Thị Ph 1 có trách nhiệm liên đới giao trả 01 (Một) xe ô tô đầu kéo hiệu CNHTC, biển số 50LD-049.19 và 01 (Một) sơ mi rơ mooc hiệu CIMC, biển số 50R-011.54 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty C để xử lý, thu hồi nợ. Trường hợp tiền thu được từ việc thanh lý 02 (Hai) tài sản thuê này không đủ, yêu cầu ông Nguyễn Thanh V liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại của Công ty Q cho Công ty C.

2. Ý kiến của Công ty Q và ông Nguyễn Thanh V:

Quá trình giải quyết vụ án vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

3. Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hoàng Ph:

Ông là em trai của ông Nguyễn Thanh V; và trước đây là Phó giám đốc Công ty Q. Xe ô tô đầu kéo 50LD-049.19 và sơ mi rơ mooc 50R-011.54 thuộc quyền sở hữu của Công ty C cho Công ty Q thuê. Ông V, giám đốc Công ty Q giao cho ông quyền sử dụng, định đoạt đối với xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ mooc trên. Biết bà Ph 1, ông T là cha mẹ vợ ông H, lái xe công ty muốn góp vốn, nên ông đã đồng ý cho ông Tgóp vốn 450.000.000 đồng, để ông T khai thác xe ô tô

đầu kéo 50LD-049.19 và sơ mi rơ mooc 50R-011.54 tại công ty Cừ Bê tông, nơi ông T làm việc. Ông T được quản lý, toàn quyền sử dụng tài sản trên. Hai bên lập giấy xác nhận quyền sở hữu tài sản ngày 01/12/2015 và Hợp đồng giao khoán ngày 01/01/2016. Ông T, bà Ph 1 có trách nhiệm trả cho ông 40.000.000 đồng/tháng, từ tháng thứ 3 trở đi ông giảm còn 30.000.000 đồng/tháng. Ông T biết tài sản trên của Công ty C nhưng vẫn đồng ý góp vốn. Ông T, bà Ph 1 đã khai thác tài sản trên 5 tháng nhưng không thanh toán như cam kết nên ông lấy lại xe để khai thác. Khoảng 01 - 02 tháng sau, biết Công ty Q không có khả năng trả tiền cho Công ty C, nên ông đã nói chuyện với ông Tbà Ph 1, đề nghị trả cho họ 300.000.000 đồng vốn góp (tức là 450.000.000 đồng vốn góp ban đầu trừ đi 05 tháng tiền thuê là 150.000.000 đồng) nhưng Ông T, bà Ph 1 không đồng ý. Hiện ông vẫn đang giữ số tiền này. Tháng 9/2016, Công ty C đòi lại xe. Ông T, bà Ph 1 trộm tài sản trên, quản lý và sử dụng đến nay, không được sự đồng ý của ông.

Nay, ông T bà Ph 1 yêu cầu độc lập về việc ông phải trả lại 390.000.000 đồng góp vốn thì ông không đồng ý. Ông T, bà Ph 1 quản lý, sử dụng tài sản 38 tháng, từ tháng 09/2016 đến nay nên phải trả cho ông tiền thuê 1.140.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 300.000.000 đồng vốn góp thì Ông T, bà Ph 1 còn nợ ông 840.000.000 đồng.

3.2. Ông Huỳnh Công T và bà Lê Thị Ph 1 có yêu cầu độc lập theo đơn đề ngày 02/4/2018:

Ngày 01/12/2015, vợ chồng ông bà góp 450.000.000 đồng bằng 50% vốn với ông Nguyễn Hoàng Ph, phó giám đốc đại diện cho Công ty Q mua xe đầu kéo biển số 50LD-04919 và sơ mi rơ mooc biển số 50R-01154. Tháng đầu tiên, ông bà cùng kinh doanh, lợi nhuận chia đôi. Ngày 01/01/2016, ông Ph đề nghị ông bà tự quản lý xe, mỗi tháng giao lại cho ông Ph và Công ty Q 40.000.000 đồng; ông bà đồng ý. Giữa tháng 03/2016, xe bị tai nạn. Chi phí sửa xe hết 22.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại 39.000.000 đồng. Vì doanh thu giảm, chi phí cao, nên đầu tháng 5/2016 ông bà nói ông Ph giảm mức thanh toán 30.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày 01/6/2016. Ông bà thanh toán chậm nên ông Ph buộc ông bà giao xe lại cho ông Ph quản lý từ ngày 01/7/2016, chỉ trả cho ông bà 25.000.000 đồng/tháng.

Giữa tháng 7/2016, ông Ph đến nhà gặp ông bà, nói xe làm không lãi và chấp nhận trả lại tiền đã hùn mua xe cho ông bà. Ông bà góp vốn 450.000.000 đồng, quản lý xe và nợ ông Ph đến ngày 30/6/2016 là 150.000.000 đồng, ông Ph lấy xe phải trả cho ông bà 300.000.000 đồng. Sau khi tính toán, ông Ph đồng ý trả cho ông bà 305.000.000 đồng, hứa đến hết tháng 8/2016 sẽ thanh toán. Đến hẹn, ông bà gọi điện thì ông Ph bảo muốn lấy tiền thì lên Ngân hàng mà đòi. Ông bà buộc phải lấy xe lại để buộc ông Ph trả số tiền đã thỏa thuận. Vì ông Ph bảo chỉ trả 200.000.000 đồng, nên ông bà không đồng ý và mang xe xuống gửi Công an thành phố V. Nay ông bà yêu cầu độc lập buộc ông Ph và Công ty Q thanh toán 390.000.000 đồng đã góp vốn mua xe. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà tự nguyện

rút một phần yêu cầu, đề nghị Tòa án buộc ông Ph và Công ty Q thanh toán 305.000.000 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã P tuyên buộc Công ty TNHH Thương mại vận tải Q phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 5.636.840.803 đồng (Năm tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng); và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định tại các hợp đồng thuê. Trường hợp Công ty Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Công ty Q cùng ông Huỳnh Công T và bà Lê Thị Ph 1 có trách nhiệm giao trả lại 01 (Một) xe ô tô đầu kéo hiệu CNHTC, biển số 50LD-049.19 và 01 (Một) sơ mi rơ mooc hiệu CIMC, biển số 50R-011.54 cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý 02 (Hai) tài sản thuê trên không đủ thanh toán nợ, buộc ông Nguyễn Thanh V liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại của Công ty Q cho Công ty C.

Tuyên bố "Giấy xác nhận quyền sở hữu" lập ngày 01/12/2015 giữa ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1 với ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty Q vô hiệu. Buộc ông Ph và Công ty Q trả lại 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng) cho Ông T, bà Ph 1.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty TNHH Thương mại vận tải Q trả lại 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) vốn góp.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông T, bà Ph 1 về việc yêu cầu Công ty Q và ông Ph phải thanh toán 305.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền nghĩa vụ liên quan Ông T, bà Ph 1 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, và không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Ph không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm

căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph đúng theo quy định pháp luật, và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:*

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện Công ty TNHH Thương mại vận tải Q (có trụ sở tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các hợp đồng thuê tài sản để kinh doanh. Tòa án nhân dân thị xã P thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài sản; đòi tài sản phát sinh từ thỏa thuận góp vốn" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, các điểm a, b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[1.2.] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty TNHH Thương mại vận tải Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mở lại lần thứ hai sau hoãn phiên tòa do vắng mặt đương sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2.] *Về nội dung vụ án:*

Ngày 08/12/2014 Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C ký 02 hợp đồng cho thuê tài chính số B141201401 và B141202401 với Công ty TNHH Thương mại vận tải Q. Công ty C đã mua 05 (Năm) xe đầu kéo hiệu CNHTC và 05 (Năm) sơ mi rơ mooc tải hiệu CIMC cho Công ty Q thuê. Tổng giá trị tài sản thuê là 8.250.000.000 đồng, trong đó Công ty Q trả trước

320.000.000 đồng 412.500.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn 7.837.500.000 đồng. Hàng tháng, Công ty Q phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê gồm một phần vốn gốc và lãi trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ vốn gốc Công ty C tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Công ty C vẫn là chủ sở hữu tài sản thuê, đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê cho đến khi Công ty Q trả toàn bộ vốn gốc và các khoản lãi.

Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C đã thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Công ty Q tự nguyện giao trả 04 (Bốn) sơ mi rơ mooc tải hiệu CIMC và 04 (Bốn) xe đầu kéo hiệu CNHTC để Công ty C bán, cấn trừ nợ được 2.4000.000.000 đồng; nhưng chưa giao trả 01 (Một) xe đầu kéo hiệu CNHTC biển số 50LD-049.19 và 01 (Một) sơ mi rơ mooc hiệu CIMC biển số 50R-011.54 vì vợ chồng ông Huỳnh Công T, bà Lê Thị Ph 1 đang giữ bởi liên quan đến việc Công ty Q và ông Nguyễn Hoàng Ph, Phó Giám đốc Công ty nhận tiền góp vốn của ông bà. Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán 5.636.840.803 đồng tiền thuê còn thiếu tính đến ngày 29/11/2019, gồm 3.051.381.641 nợ gốc, 2.585.459.162 đồng lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, giao trả hai tài sản thuê còn thiếu, buộc ông Nguyễn Thanh V có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty Q.

Ông T, bà Ph 1 yêu cầu độc lập đề nghị ông Ph và Công ty Q trả lại 390.000.000 đồng trong tổng số 450.000.000 đồng nhận của ông bà góp vốn mua xe để ông bà giao xe lại cho Công ty C. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà chỉ yêu cầu trả lại 305.000.000 đồng, rút phần yêu cầu trả vốn góp 85.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản và yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Công T và bà Lê Thị Ph 1 về đòi tài sản phát sinh từ thỏa thuận góp vốn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph kháng cáo với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông T, bà Ph 1 yêu cầu ông và Công ty Q trả lại 305.000.000 đồng.

[3.] *Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph:*

[3.1] Xe đầu kéo hiệu CNHTC biển số 50LD-049.19 và sơ mi rơ mooc hiệu CIMC biển số 50R-011.54 thuộc quyền sở hữu của Công ty C, cho Công ty Q thuê. Điều 22 của các Hợp đồng cho thuê tài chính số B141201401 và B141202401 ngày 08/12/2014 quy định rõ: Công ty Q không được phép chuyển nhượng, cho thuê lại, chuyển giao, chuyển nhượng.... cho bên người thứ ba mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty C.

[3.2] Ngày 01/12/2015, Ông T, bà Ph 1 góp vốn với Công ty Q do ông Nguyễn Hoàng Ph đại diện để mua tài sản trên. Dù biết việc chuyển nhượng tài sản phải được sự đồng ý của chủ sở hữu là Công ty C, nhưng Ông T, bà Ph 1 và ông Ph, đại diện Công ty Q vẫn tự ý thỏa thuận chuyển nhượng với nhau mà

không có sự đồng ý của chủ sở hữu. Vì vậy, "Giấy xác nhận quyền sở hữu" lập ngày 01/12/2015 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên ngay từ thời điểm xác lập, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Cụ thể, do vợ chồng Ông T, bà Ph 1 chỉ yêu cầu trả lại 305.000.000 đồng trong tổng số 450.000.000 đồng đã giao, nên ông Ph và Công ty Q phải có trách nhiệm trả số tiền này. Vợ chồng Ông T, bà Ph 1 có trách nhiệm trả lại xe ô tô đầu kéo biển số 50LD-049.19 và sơ mi rơ mooc biển số 50R-011.54 cho Công ty Q để giao lại cho chủ sở hữu.

[3.3] Kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Ph về việc sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông T, bà Ph 1 về việc yêu cầu ông và Công ty Q trả lại 305.000.000 đồng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph, giữ nguyên quyết định bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4.] *Về án phí*: ông Nguyễn Hoàng Ph kháng cáo phải chịu án kinh doanh thương mại phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Ph; giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, các điểm a, b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296; Điều 244; các Điều 147, 148, 157, 165, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 122, 124, 128, 137, 410, 256, 361, 363, 480, 489, 490, 491 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản" đối với Công ty TNHH Thương mại vận tải Q.

Buộc Công ty TNHH Thương mại vận tải Q thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 5.636.840.803 đồng (Năm tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng), cụ thể:

- Hợp đồng thuê số B141201401 là 4.570.501.824 đồng, gồm: 2.491.542.133 đồng nợ gốc, 426.047.241 đồng nợ lãi và phạt tính đến ngày chấm dứt hợp đồng 14/6/2016, 1.652.912.450 đồng lãi quá hạn từ ngày 15/6/2016 đến ngày 29/11/2019.

- Hợp đồng thuê số B141202401 là 1.066.338.979 đồng, gồm: 559.839.508 đồng nợ gốc, 113.124.020 đồng lãi và phạt tính đến ngày chấm dứt hợp đồng 14/6/2016, 393.375.451 đồng lãi quá hạn từ ngày 15/6/2016 đến ngày 29/11/2019.

Công ty TNHH Thương mại vận tải Q có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C lãi phát sinh đối với nợ gốc từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng thuê.

2. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại vận tải Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, buộc Công ty TNHH Thương mại vận tải Q, ông Huỳnh Công T, bà Lê Thị Ph 1 có trách nhiệm giao trả 01 (Một) xe ô tô đầu kéo hiệu CNHTC, biển số 50LD-049.19 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040200 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2015 và 01 (Một) sơ mi rơ mooc hiệu CIMC, biển số 50R-011.54 theo giấy chứng nhận đăng ký xe rơ mooc số 001676 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2015 cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C để xử lý, thu hồi nợ.

3. Trường hợp tiền thu được từ việc thanh lý 02 (Hai) tài sản này không đủ thanh toán, buộc ông Nguyễn Thanh V liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại của Công ty TNHH Thương mại vận tải Q cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1 về việc "Đòi tài sản phát sinh từ thỏa thuận góp vốn".

- Tuyên bố "Giấy xác nhận quyền sở hữu" lập ngày 01/12/2015 giữa ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1 với ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty TNHH Thương mại vận tải Q vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty TNHH Thương mại vận tải Q trả lại 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng) cho ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1.

5. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Ph 1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty TNHH Thương mại vận tải Q trả lại 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) vốn góp.

6. *Chi phí xem xét, thẩm định:*

Công ty TNHH Thương mại vận tải Q trả lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C .

7. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Công ty TNHH Thương mại vận tải Q nộp 113.636.840 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Ông Nguyễn Hoàng Ph và Công ty TNHH Thương mại vận tải Q nộp 15.250.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 56.344.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, theo biên lai thu số 00008144 ngày 18/12/2017.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Công T, bà Lê Thị Ph1 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, theo biên lai thu số 0000998 ngày 11/4/2018.

8. *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Hoàng Ph nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, theo biên lai thu số 0004312 ngày 15/01/2020 và số 0004339 ngày 05/02/2020, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/7/2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Bắc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân thị xã P;
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Kinh tế, hồ sơ.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Châu **Nguyễn Thị Quang** **Trần Minh Bắc**